

Bản án số: 156/2022/HS-ST

Ngày: 19-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Tám;

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

2. Ông Thái Văn Sơn;

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 125/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: Trương Thanh S, sinh năm 2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 2, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Trương Thanh S, mẹ: Nguyễn Thị Hồng M; anh chị em ruột: Không; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Võ Thanh L, sinh năm 1996 (có mặt); Địa chỉ: Số 18, Tổ 6, đường số 464, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 20/3/2022, bà Võ Thanh L điều khiển xe ô tô biển số 51H-82290 đậu ở bãi đất trống đối diện nhà số 29D, ấp 5, xã H, huyện C, sau đó vào nhậu cùng Trương Thanh S, Kim Tấn S, Nguyễn Hoàng C, Dương Văn T, bà L, ông M, ông T, ông K (chưa rõ lai lịch). Khoảng 02 giờ 40 phút ngày 21/3/2022, L đưa chìa khóa xe ô tô của L cho S, nhờ S ra xe của L lấy giùm điện thoại. S đi bộ đến mở cửa xe ô tô biển số 51H-82290 tìm điện thoại cho L thì nhìn thấy túi xách của L để ở băng ghế sau xe bên trái đang mở và có tiền trong túi. S lén lút lấy trộm số tiền 18.500.000đ (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng) trong túi xách của L. Sau khi lấy trộm được tiền, S tiếp tục vào nhậu. Khoảng 03 giờ 00 phút ngày 21/3/2022 S điều khiển xe mô tô biển số 59Y3-262.22 đi về nhà ngủ. Khoảng 06 giờ 00 phút cùng ngày, L ra xe kiểm tra cửa xe ô tô không khóa, L kiểm tra túi xách phát hiện bị mất trộm 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). L qua nhà ông Ngô Phúc (nhà ông Phúc có camera ở phía trước chỗ đậu xe của L) xem camera thấy S mở cửa xe ô tô của L, L livestream qua mạng xã hội Facebook nói S lấy trộm 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) của L. Đến 21 giờ 00 phút cùng ngày, S điều khiển xe đến nhà L nói chuyện và thừa nhận đã lấy trộm 18.500.000đ (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng) trong túi xách của L nhưng L không đồng ý và nói S đã lấy trộm 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), yêu cầu S trả tiền lại thì S đồng ý. Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 22/3/2022, S đến nhà và trả cho L 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Đến 14 giờ 00 phút cùng ngày, L trình báo Công an xã Hòa Phú, huyện Củ Chi. Qua làm việc S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Qua làm việc L khai chìa khóa xe ô tô L để ở dưới tấm nệm trong phòng ngủ của Tâm, do không để ý nên bị S lấy trộm, mở khóa xe lấy trộm tài sản rồi để chìa khóa về vị trí cũ. Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 21/3/2022, khi L ra về thì thấy hai kiếng hậu mở, cửa đóng kín nên nghi ngờ xe bị mở ra lấy trộm đồ, kiểm tra thì phát hiện bị mất số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra L khai vào các ngày 27/10/2021, 05/11/2021, 07/11/2021, 12/11/2021, 19/11/2021, 24/11/2021, 26/11/2021, 02/12/2021, 08/12/2021,

17/12/2021, 22/12/2021, 30/12/2021, 12/01/2022, 19/01/2022, 26/01/2022, 29/01/2022, 10/02/2022, 11/3/2022, 18/3/2022, bà L đậu xe ô tô biển số 51H-571.83 và xe ô tô biển số 51H-564.24 trên đường bê tông gần nhà của Dương Văn T tại ấp Chợ, xã Trung An, huyện Củ Chi để nhậu cùng T và S thì bị mất tổng số tiền 530.000.000đ (Năm trăm ba mươi triệu đồng). Ngày 18/3/2022 L xem camera nhà đối diện nơi đậu xe thì thấy S đi bộ đến chiếc xe ô tô biển số 51H-564.24 mở cửa trước bên phải và mở cốp xe nhưng không thấy S lấy tài sản gì, những ngày còn lại không có camera ghi nhận. S không thừa nhận lấy tiền của L vào các ngày trên.

Tài sản thiệt hại: 18.500.000đ (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng) .

Tình tiết tăng nặng: Không.

Tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện bồi thường thiệt hại.

Về dân sự: S đã tự nguyện trả lại số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cho bị hại.

Tại bản cáo trạng số: 124/CT-VKS.CC ngày 11/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố bị cáo Trương Thanh S về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trương Thanh S về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề nghị:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trương Thanh S mức án tù 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

- Về vật chứng: Không có.

- Về dân sự: Bị cáo S đã tự nguyện trả lại số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cho bị hại. Tại phiên tòa, bà L yêu cầu bị cáo S bồi thường số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) bị mất ngày 18/3/2022 nhưng phía bị cáo S không đồng ý, không thừa nhận việc lấy số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) của bà L, mặt khác do không có chứng cứ chứng minh nào khác nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà L.

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Thanh S thừa nhận bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng, không oan sai gì cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo S: Bị cáo không nói lời sau cùng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Trương Thanh S tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ 40 phút ngày 21/3/2022, tại ấp 5, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Trương Thanh S đã có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 18.500.000đ (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng) của bà Võ Thanh L.

Bằng hành vi trên, bị cáo S đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đúng như cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố.

Hành vi của bị cáo S gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, làm mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân, do đó cần xử lý bị cáo bằng một hình phạt nghiêm khắc là cần thiết.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy tại phiên tòa, bị cáo S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã khắc phục số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo S. Xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, áp dụng Khoản 1, Khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định cũng đủ phát huy tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung, đồng thời cũng phù hợp với lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[3] Bà L khai vào các ngày 27/10/2021, 05/11/2021, 07/11/2021, 12/11/2021, 19/11/2021, 24/11/2021, 26/11/2021, 02/12/2021, 08/12/2021, 17/12/2021, 22/12/2021, 30/12/2021, 12/01/2022, 19/01/2022, 26/01/2022, 29/01/2022, 10/02/2022, 11/3/2022, 18/3/2022, bà L đậu xe ô tô biển số 51H-571.83 và xe ô tô biển số 51H-564.24 trên đường bê tông gần nhà của Dương Văn T tại ấp Chợ, xã Trung An, huyện Củ Chi để nhậu cùng T và S thì bị mất tổng số tiền 530.000.000đ (Năm trăm ba mươi triệu đồng). Ngày 18/3/2022 bà L xem camera nhà đối diện nơi đậu xe thì thấy S đi bộ đến chiếc xe ô tô biển số 51H-564.24 mở cửa trước bên phải và mở cốp xe nhưng không thấy bị cáo S lấy tài sản gì, những ngày còn lại không có camera ghi nhận. Bị cáo S không thừa nhận lấy tiền của bà L vào các ngày trên, mặt khác ngoài lời khai của bà L thì không còn chứng cứ nào khác chứng minh bị cáo S là người đã lấy trộm số tiền 530.000.000đ (Năm trăm ba mươi triệu đồng) của bà L nên không có căn cứ xử lý.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo S bồi thường số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) mà bà L bị mất ngày 18/3/2022. Bị cáo S không đồng ý yêu cầu của bà L, mặt khác cũng không có chứng cứ nào chứng minh bị cáo S lấy số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) của bà L nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà L.

[5] Về án phí:

Xét cần buộc bị cáo S phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 38; Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Trương Thanh S phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trương Thanh S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/8/2022).

Giao bị cáo S cho Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo S cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo S thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo S cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án.

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo Trương Thanh S phải nộp là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo S tại phiên tòa.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- UBND xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Tp. HCM;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương